TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2026/HS-ST
Ngày: 28 - 5 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Năm

Bà Phạm Ánh Nga

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 70/2026/TLST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2026/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thái Bình D; sinh năm 1979 tại Tây Ninh; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số D, ấp H, xã V, tỉnh Tây Ninh; chỗ ở hiện nay: N9, khu phố B, phường L, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thái Q (sống) và bà Lâm Thị N (sống); chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 18/6/2009 bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", đã chấp hành xong; ngày 11/10/2019 bị Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng, đã chấp hành xong. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/3/2026 đến nay tại Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh T. Có mặt.

2. Phạm Đỗ Anh B; sinh năm 1983 tại Tây Ninh; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số I T, khu phố C, phường L, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn M (chết) và bà Đỗ Thị H (sống); chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 09/11/2022 bị Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 21 tháng, chấp hành xong ngày 12/6/2025.

Nhân thân: Ngày 16/01/2012 bị Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Long An áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng; ngày 04/3/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 21 tháng; ngày 26/3/2026 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T khởi tố về tội "Sử dụng trái phép chất ma túy". Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/3/2026 đến nay tại Phân trại tạm giam T, Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh T. Có mặt.

Bị hại: Ủy ban nhân dân phường L, tỉnh Tây Ninh. Người đại diện theo ủy quyền của bị hại: Bà Võ Thị Thanh H1, chức vụ: Chánh Văn phòng. Địa chỉ: Số G H, phường L, tỉnh Tây Ninh.Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Nguyễn Thái Q, sinh năm 1953; nơi cư trú: N T, khu phố B, phường L, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

2. Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1959; nơi cư trú: Số A N, phường L, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Phan Lê Hữu T. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài, Nguyễn Thái Bình D rủ Phạm Đỗ Anh B tìm tài sản của người khác lấy trộm, B đồng ý. D biết Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Truyền thanh, số F N, phường L, tỉnh Tây Ninh bỏ hoang, không có người trông coi nên ngày 23/02/2026, D điều khiển xe mô tô biển số 62B1-111.06 do ông Nguyễn Thái Q đứng tên chủ sở hữu, chở B đến Trung tâm V trộm cắp tài sản. D và B đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 14 giờ ngày 23/02/2026, D và B đã lấy trộm 01 cánh cửa nhôm kính loại Đài Loan (hệ 10) dùng để gắn cửa chính phòng vệ sinh, kích thước 2,4m x 0,9m, kính trắng 05ly. Sau đó, cả hai mang đến tiệm thu mua phế liệu của bà Lê Thị Đ, tại số A N, phường L, tỉnh Tây Ninh bán với giá 300.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 17 giờ cùng ngày, D chở B quay lại Trung tâm V tiếp tục lấy trộm 03 cánh cửa nhôm kính, gồm: 01 cánh cửa nhôm kính loại Đài Loan (hệ 700) dùng để gắn cửa chính phòng vệ sinh, kích thước 2,0m x 0,7m, kính mờ 05 ly; 02 cánh cửa nhôm kính loại Đài Loan (hệ 10) dùng để gắn cửa sổ, kích thước 1,4m x 0,6m, kính trắng 08 ly. Cả hai tiếp tục chở đến bán cho bà Lê Thị Đ. Bà Đ chỉ mua phế liệu nên D và B đập vỡ phần kính, bán khung nhôm với giá 600.000 đồng.

Tổng số tiền bán tài sản là 900.000 đồng. Số tiền bán được cả hai tiêu xài cá nhân hết 240.000 đồng, còn lại 660.000 đồng. Cùng ngày, D và B bị lực lượng Công an mời làm việc và đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản.

Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 xe mô tô Dream màu nâu, biển số 62B1-111.06 đã qua sử dụng cho ông Nguyễn Thái Q là chủ sở hữu hợp pháp.

Các vật chứng chuyển từ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đến Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Tây Ninh chờ xử lý gồm:

- Tiền Việt Nam 660.000 đồng;

- 01 cánh cửa nhôm kính loại Đài Loan (hệ 10) dùng để gắn cửa chính phòng vệ sinh (còn nguyên vẹn), kích thước 2,4m x 0,9m, kính trắng 05ly;

- 01 cánh cửa nhôm kính loại Đài Loan (hệ 700) dùng để gắn cửa chính phòng vệ sinh (đã bị vỡ kính, còn khung nhôm 08 thanh), kích thước 2,0m x 0,7m, kính mờ 05 ly;

- 02 cánh cửa nhôm kính loại Đài Loan (hệ 10) dùng để gắn cửa sổ (đã bị vỡ kính, còn khung nhôm 08 thanh), kích thước 1,4m x 0,6m, kính trắng 08 ly.

Kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐGTS ngày 02/3/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 cánh cửa nhôm kính loại Đài Loan (hệ 10), kích thước 2,4m x 0,9m, kính trắng 05 ly trị giá 3.786.000 đồng; 01 cánh cửa nhôm kính loại Đài Loan (hệ 700), kích thước 2,0m x 0,7m, kính mờ 05 ly trị giá 2.526.000 đồng; 02 cánh cửa nhôm kính loại Đài Loan (hệ 10), kích thước 1,4m x 0,6m, kính trắng 08 ly trị giá 2.912.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 9.224.000 đồng.

Đối với bà Lê Thị Đ, quá trình điều tra xác định bà Đ không biết tài sản mua được là do các bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự.

Đối với ông Nguyễn Thái Q, quá trình điều tra xác định ông Q không biết bị cáo Nguyễn Thái Bình D sử dụng xe mô tô biển số 62B1-111.06 làm phương tiện đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Võ Thị Thanh H1 đại diện theo ủy quyền của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Đ không yêu cầu bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 29/CT-VKSTN-KV1 ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh truy tố các bị cáo Nguyễn Thái Bình D và Phạm Đỗ Anh B về tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thái Bình D và Phạm Đỗ Anh B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Tây Ninh giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thái Bình D và Phạm Đỗ Anh B phạm tội "Trộm cắp tài sản"; áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thái Bình D từ 01 năm

06 tháng đến 02 năm tù, xử phạt bị cáo Phạm Đỗ Anh B từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/3/2026. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 660.000 đồng, buộc các bị cáo liên đới nộp lại 240.000 đồng do phạm tội mà có để sung ngân sách nhà nước, trả lại 04 cánh cửa nhôm kính cho Ủy ban nhân dân phường L. Về trách nhiệm dân sự: không xem xét do không có yêu cầu. Về án phí: buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản, không tranh luận về tội danh, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Tây Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng nêu trên là hợp pháp.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai, tài liệu thể hiện ý kiến trong hồ sơ vụ án; việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thái Bình D và Phạm Đỗ Anh B thừa nhận: Ngày 23/02/2026, tại Trung tâm V, địa chỉ số F N, phường L, tỉnh Tây Ninh, các bị cáo đã 02 lần lén lút chiếm đoạt 04 cánh cửa nhôm kính của Trung tâm V rồi mang bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra; phù hợp với biên bản xác định nơi xảy ra vụ việc, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản tạm giữ tài liệu, đồ vật, lời khai của người đại diện bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, Kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐGTS ngày 02/3/2026 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tài sản các bị cáo chiếm đoạt có tổng giá trị 9.224.000 đồng. Hành vi của các bị cáo là lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách

nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm có tiền tiêu xài.

Do đó, có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Nguyễn Thái Bình D và Phạm Đỗ Anh B phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Tây Ninh truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về vai trò đồng phạm, tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Vụ án có đồng phạm nhưng giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ, không có sự phân công vai trò cụ thể từ trước nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn.

Bị cáo Nguyễn Thái Bình D là người rủ rê, khởi xướng việc đi trộm cắp tài sản, biết địa điểm có tài sản sơ hở, không có người trông coi và là người điều khiển xe mô tô chở bị cáo Phạm Đỗ Anh B đến địa điểm phạm tội. Bị cáo Phạm Đỗ Anh B đồng ý tham gia, cùng D trực tiếp thực hiện hành vi lấy trộm tài sản, vận chuyển và bán tài sản lấy tiền tiêu xài. Vì vậy, cả hai bị cáo đều là người thực hành, cùng phải chịu trách nhiệm hình sự đối với toàn bộ giá trị tài sản đã chiếm đoạt; tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét vai trò khởi xướng của bị cáo D để quyết định mức hình phạt nghiêm hơn so với bị cáo B.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tài sản của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Các bị cáo có sức khỏe, có khả năng lao động nhưng không lao động chân chính mà lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản để chiếm đoạt, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo thực hiện 02 lần hành vi trộm cắp tài sản trong cùng ngày 23/02/2026. Lần thứ nhất chiếm đoạt tài sản trị giá 3.786.000 đồng; lần thứ hai chiếm đoạt tài sản trị giá 5.438.000 đồng. Mỗi lần chiếm đoạt đều có đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", chưa lần nào bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Do đó, các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận rõ ràng, đầy đủ hành vi phạm tội, thể hiện sự ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với tình tiết "phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn", Hội đồng xét xử xét thấy: tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 9.224.000 đồng, thuộc mức thấp trong định lượng của khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; sau khi vụ án bị phát hiện, các tài sản liên quan đã được thu hồi để trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp, trong đó một số tài sản không còn nguyên trạng nhưng bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường. Xét giá trị thiệt hại vật chất, mức độ ảnh hưởng đối với chủ sở

hữu và xã hội, Hội đồng xét xử xác định thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra là không lớn. Do đó, các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự với lý do các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hội đồng xét xử xét thấy khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là tội phạm ít nghiêm trọng; tuy nhiên, riêng yếu tố "thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" không phải là tình tiết giảm nhẹ độc lập để áp dụng theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự trong vụ án này. Mặt khác, các bị cáo đã thực hiện 02 lần phạm tội nên không có căn cứ ghi nhận thêm tình tiết giảm nhẹ khác theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận phần đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo Nguyễn Thái Bình D có nhân thân xấu, đã từng bị kết án về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" nhưng đã chấp hành xong, không xác định là tiền án; từng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Bị cáo Phạm Đỗ Anh B có nhân thân xấu, nhiều lần bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; ngoài ra còn bị khởi tố trong vụ án khác về tội "Sử dụng trái phép chất ma túy". Các tình tiết nhân thân này không phải là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 Bộ luật Hình sự nhưng cần được xem xét khi lượng hình.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thái Bình D từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, bị cáo Phạm Đỗ Anh B từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, tình tiết tăng nặng, một số tình tiết giảm nhẹ và việc áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo là có căn cứ.

Khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét toàn diện vai trò, nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, giá trị tài sản chiếm đoạt, mức độ thiệt hại thực tế, việc tài sản đã được thu hồi để trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp và thái độ khai báo của từng bị cáo. Bị cáo Nguyễn Thái Bình D là người khởi xướng, rủ rê và giữ vai trò tích cực hơn trong quá trình thực hiện tội phạm nên phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo Phạm Đỗ Anh B. Bị cáo Phạm Đỗ Anh B đồng ý tham gia, cùng thực hiện hành vi phạm tội nên cũng phải chịu hình phạt tù có thời hạn. Xét các tình tiết nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định xử phạt các bị cáo ở mức thấp trong khung hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, bảo đảm tính nghiêm minh, răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền. Tuy nhiên, các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định; đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Đối với những người có liên quan:

Đối với bà Lê Thị Đ, quá trình điều tra xác định bà Đ không biết tài sản mua được là do các bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự là phù hợp, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với ông Nguyễn Thái Q, quá trình điều tra xác định ông Q không biết bị cáo Nguyễn Thái Bình D sử dụng xe mô tô biển số 62B1-111.06 làm phương tiện đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự là phù hợp, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về biện pháp tư pháp:

Về bồi thường thiệt hại: Người đại diện theo ủy quyền của bị hại Ủy ban nhân dân phường L không yêu cầu các bị cáo bồi thường. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Lê Thị Đ không yêu cầu các bị cáo bồi thường. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 xe mô tô hiệu Honda Dream màu nâu, biển số 62B1-111.06 cho ông Nguyễn Thái Q là chủ sở hữu hợp pháp. Quá trình điều tra xác định ông Q không biết bị cáo Nguyễn Thái Bình D sử dụng xe mô tô nêu trên làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, nên việc trả lại xe cho ông Q là phù hợp, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 660.000 đồng thu giữ là tiền do các bị cáo bán tài sản trộm cắp mà có, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 240.000 đồng các bị cáo đã tiêu xài cá nhân, đây là tiền do bán tài sản trộm cắp mà có. Quá trình xét hỏi tại phiên tòa xác định các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội, cùng bán tài sản và cùng tiêu xài số tiền này, không xác định cụ thể phần tiền mỗi bị cáo đã sử dụng. Do đó, cần buộc các bị cáo Nguyễn Thái Bình D và Phạm Đỗ Anh B liên đới nộp lại số tiền 240.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 04 cánh cửa nhôm kính là tài sản hợp pháp của bị hại, cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là Ủy ban nhân dân phường L, tỉnh Tây Ninh.

Vật chứng hiện do Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Tây Ninh quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 10/QĐ-VKSTN-KV1 ngày 11/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Tây Ninh.

[8] Về án phí:

Các bị cáo Nguyễn Thái Bình D và Phạm Đỗ Anh B bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Không buộc các bị cáo chịu án phí dân sự sơ thẩm do bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thái Bình D và Phạm Đỗ Anh B phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thái Bình D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/3/2026.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Đỗ Anh B 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/3/2026.

4. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tiếp tục tạm giam các bị cáo Nguyễn Thái Bình D và Phạm Đỗ Anh B 45 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/5/2026) để đảm bảo cho việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

6. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền Việt Nam là 660.000 đồng trong tài khoản số 3949.0.1054169.00000 tại Kho bạc Nhà nước Khu vực XVIII của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thái Bình D và Phạm Đỗ Anh B liên đới nộp lại số tiền 240.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

Trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là Ủy ban nhân dân phường L, tỉnh Tây Ninh các tài sản sau: 01 cánh cửa nhôm kính loại Đài Loan (hệ 10), dùng để gắn cửa chính phòng vệ sinh, còn nguyên vẹn, kích thước 2,4m x 0,9m, kính trắng 05 ly; 01 cánh cửa nhôm kính loại Đài Loan (hệ 700), dùng để gắn cửa chính phòng vệ sinh, đã bị vỡ kính, còn khung nhôm 08 thanh, kích thước 2,0m x 0,7m, kính mờ 05 ly; 02 cánh cửa nhôm kính loại Đài Loan (hệ 10), dùng để gắn cửa sổ, đã bị vỡ kính, còn khung nhôm 08 thanh, kích thước 1,4m x 0,6m, kính trắng 08 ly.

Vật chứng trong vụ án hiện nay do Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Tây Ninh đang quản lý theo quyết định chuyển vật chứng số 10/QĐ-VKSTN-KV1 ngày 11/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh.

7. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Thái Bình D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Phạm Đỗ Anh B phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

8. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

9. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh ;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 1 – Tây Ninh;
- Công an tỉnh Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 1 – Tây Ninh;
- UBND (nơi bị cáo cư trú);
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Bộ phận THA hình sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tấn Quốc